BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 387 /GCN-BXD	*Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2018*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Vincom; Biên bản đánh giá phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng BVVC MN ngày 14/4/2018,

CHỨNG NHẬN:

1. Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Vincom

Địa chỉ: Lầu 20A, tòa nhà Vincom Centre, số 72 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Mã số thuế: 0106339402-001

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu và kiểm định chất lượng công trình xây dựng BVVC MN

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 720 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1736**

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 5 năm kể từ ngày cấp và thay thế Giấy chứng nhận số 543/GCN-BXD ngày 04/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:
- Chi nhánh tại TP. HCM - Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ Vincom;
- SXD TP. Hồ Chí Minh;
- TT Thông tin *(website)*;
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1736

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số: 387 /GCN-BXD ngày 26 tháng 6 năm 2018)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
1	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG**	
	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003; AASHTO T128; ASTM C184; AASHTO T133; ASTM C188
	Xác định độ bền uốn và nén của ximăng	TCVN 6016:2011; AASHTO T129; ASTM C187; AASHTO T131; ASTM C191
	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; AASHTO T106; ASTM C109; ASTM C348; ASTM 349
2	**THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA**	
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006; AASHTO T27
	Hướng dẫn xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:2006
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006; AASHTO T84
	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; AASHTO T85
	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hổng	TCVN 7572-6:2006; AASHTO T19M/T 19
	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006; AASHTO T255
	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:0606; AASHTO T11; AASHTO T112; ASTM C142
	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9:2006; AASHTO T21
	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006; ASTM D2938
	Xác định độ nén dập, hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; BS 812-110
	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn (Los Angeles)	TCVN 7572-12:2006; AASHTO T96
	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liêu lớn	TCVN 7572-13:2006;ASTM D4791
	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142
	Xác định hàm lượng hạt bị dập vỡ	TCVN 7572-18:2006
	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ.	TCVN 7572-20:2006
	Xác định hệ số (ES)	AASHTO T176
	Xác định hàm lượng hạt qua sàng 75µm bằng phương pháp rửa	TCVN 9205:2012
	Xác định hàm lượng hạt nhẹ	AASHTO T113
	Xác định khả năng bị ăn mòn của cốt liệu trong dung dịch muối sunfat natri hoặc sunfat magie	AASHTO T104; ASTM C88
3	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG**	
	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; AASHTO T100

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; AASHTO T265; ASTM D2216
	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; AASHTO T89; AASHTO T90
	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; AASHTO T88
	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995; AASHTO T236
	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; AASHTO T216
	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 22TCN 333:2006; AASHTO T99; AASHTO T180
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012; AASHTO T204
	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006 AASHTO T99; AASHTO T180
	Xác định sức kháng nén có nở hông	TCVN 9438:2012 ASTM D2166; AASHTO T208
	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:2012
	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012
	Xác định độ co ngót của đất	TCVN 8720:2012
	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời	TCVN 8721:2012
	Xác định đặc trưng lún ướt của đất	TCVN 8722:2012
	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:2012; AASHTO T215
	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012; AASHTO T267
4	**THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**	
	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:1993; AASHTO T119
	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; AASHTO T121
	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:1993; AASHTO T158
	Xác định hàm lượng bọt khí của hỗn hợp bê tông	TCVN 3111:1993; AASHTO T152
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:1993; ASTM C642
	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:1993; ASTM C642
	Xác định độ mài mòn của bê tông	TCVN 3114:1993
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:1993; ASTM C642
	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:1993
	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:1993; AASHTO T22; ASTM C39
	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:1993; AASHTO T97
	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:1993; AASHTO T198
	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012; AASHTO T197
	Xác định cường độ bê tông trên mẫu khoan	ASTM C42; AASHTO T24M/T24
5	**THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG**	
	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003; EN 1015-1
	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003; ASTM C230

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2003; ASTM C807
	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:2003; ASTM C109
	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003; ASTM C1403
	Xác định độ chảy của vữa	TCVN 9204:2012; ASTM C939
	Xác định độ tách nước và độ co-nở của vữa	TCVN 9204:2012; ASTM C940
6	**THỬ NGHIỆM GẠCH XÂY**	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009
	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009; AASHTO T32; ASTM C67
	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009; AASHTO T32; ASTM C67
	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009; AASHTO T32; ASTM C67
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009
	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009
7	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN**	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999
	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999
	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999
	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999
8	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG**	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016
	Xác định cường độ nén	TCVN 6477:2016; ASTM C140
	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140
	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016; ASTM C140
	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016
9	**THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT**	
	Xác định độ hút nước, độ xốp biểu kiến, khối lượng riêng và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3:2016
	Xác định độ bền uốn gẫy và lực uốn gẫy	TCVN 6415-4:2016; ASTM C1505
	Xác định độ bền mài mòn sâu với gạch không phủ men	TCVN 6415-6:2016
	Xác định độ mài mòn bề mặt đối với gạch phủ men	TCVN 6415-7:2016
	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18:2016
10	**THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN**	
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6065:1995
	Xác định độ hút nước	TCVN 6065:1995
	Xác định độ mài mòn	TCVN 6065:1995
	Xác định lực va đập xung kích	TCVN 6065:1995
	Xác định lực uốn gẫy toàn viên	TCVN 6065:1995
	Xác định độ cứng lớp mặt	TCVN 6065:1995
11	**THỬ NGHIỆM GẠCH GRANIT**	
	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6074:1995

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định cường độ uốn	TCVN 6074:1995
	Xác định độ chịu mài mòn	TCVN 6074:1995
	Xác định độ hút nước	TCVN 6074:1995
	Xác định độ cứng vạch bề mặt	TCVN 6074:1995
12	**THỬ NGHIỆM NGÓI ĐẤT SÉT NUNG**	
	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4313:1995
	Xác định độ hút nước	TCVN 4313:1995
	Xác định thời gian không xuyên nước	TCVN 4313:1995
	Xác định khối lượng $1m^2$ ngói bão hòa nước	TCVN 4313:1995
	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 1452:2004
13	**THỬ NGHIỆM TẤM SÓNG AMIĂNG – XI MĂNG**	
	Kiểm tra ngoại quan và kích thước	TCVN 4435:2000
	Xác định thời gian xuyên nước	TCVN 4435:2000
	Xác định tải trọng uốn gãy	TCVN 4435:2000
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4435:2000
14	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ BENTONITE**	
	Xác định khối lượng riêng	TCVN 9395:2012; ASTM D4380
	Xác định độ nhớt	TCVN 9395:2012
	Xác định độ pH	TCVN 9395:2012; ASTM D4972
	Xác định hàm lượng cát	TCVN 9395:2012; ASTM D4381
15	**THỬ NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN**	
	Thử kéo vật liệu kim loại	TCVN 197-1:2014; ASTM A370, ASTM B557; JIS Z2241; GB/T 228
	Thử uốn vật liệu kim loại	TCVN 198:2008; ASTM A370; JIS Z2248; GB/T 232
	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử uốn	TCVN 5401:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo ngang	TCVN 8310:2010
	Thử phá hủy mối hàn kim loại – Thử kéo dọc	TCVN 8311:2010
	Thử nghiệm cáp ứng lực trước (cường độ; độ dãn dài; độ tụ neo; môđun đàn hồi)	ASTM A370
	Thử kéo bulông, đai ốc	ASTM A370
16	**THỬ NGHIỆM ĐẤT HIỆN TRƯỜNG**	
	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:1971; AASHTO T204
	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; AASHTO T191
	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E950
	Phương pháp thử nghiệm xác định môđun đàn hồi "E"nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; ASTM D4695, AASHTO T256
	Xác định môđun đàn hồi "E"chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011
	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965
	Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường	TCVN 9354:2012; ASTM D1194

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	bằng tấm ép phẳng	
	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (Thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:2012; ASTM D1586
	Thí nghiệm xuyên động DCP	ASTM D6951
	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2012
	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573; 22TCN 335:2006
	Thí nghiệm CBR- Ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011; ASTM D4429
	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nẩy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:2012; ASTM C805; ASTM C597
	Phương pháp điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
	Thí nghiệm đo điện trở đất	TCVN 9385:2012
	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012 ; ASTM D1143
17	**THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA**	
	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; AASHTO T245
	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164
	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; AASHTO T27
	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011; AASHTO T209
	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; AASHTO T166
	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011
	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011
	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011; AASHTO T230
	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011; AASHTO T269
	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011; AASHTO T269
	Phương pháp xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011; AASHTO T269
	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011; AASHTO T245
18	**THỬ NGHIỆM NHỰA BI TUM**	
	Xác định độ kim lún ở 25 ^{0}C	TCVN 7495:2005; AASHTO T49
	Xác định độ kéo dài ở 25 ^{0}C	TCVN 7496:2005; AASHTO T51
	Xác định điểm hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO T53
	Xác định điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hở Cleveland	TCVN 7498:2005; AASHTO T48
	Xác định tổn thất khối lượng sau gia nhiệt	TCVN 7499:2005; AASHTO T47
	Xác định lượng hoà tan trong Trichlorothylene	TCVN 7500:2005; AASHTO T44
	Xác định khối lượng riêng (Phương pháp Pycnometer)	TCVN 7501:2005; AASHTO T228
	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:2005; AASHTO T182
19	**THỬ NGHIỆM NHŨ TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG AXÍT**	
	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011
	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thử nghiệm sàng)	TCVN 8817-4:2011
	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011
	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011
	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011
	Thử nghiệm chưng cất	TCVN 8817-9:2011
	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011
	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:2011
	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách chậm	TCVN 8817-12:2011
	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011
20	**THỬ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA**	
	Xác định hình dáng bên ngoài	22TCN 58:1984
	Xác định thành phần hạt	22TCN 58:1984
	Xác định lượng mất khi nung	22TCN 58:1984
	Xác định hàm lượng nước	22TCN 58:1984
	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984
	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng chất	22TCN 58:1984
	Xác định hệ số háo nước	22TCN 58:1984
	Xác định hàm lượng chất hoà tan trong nước	22TCN 58:1984
	Xác định khối lượng riêng của bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58:1984
	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng chất và nhựa đường	22TCN 58:1984
	Xác định độ trương nở thể tích của hốn hợp bột kháng và nhựa đường	22TCN 58:1984
	Xác định chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984
21	**THỬ VẢI ĐỊA KỸ THUẬT**	
	Xác định lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật	TCVN 8871-1:2011; ASTM D4632
	Xác định lực xé rách hình thang	TCVN 8871-2:2011; ASTM D4533
	Xác định lực xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3:2011; ASTM D 6241
	Xác định lực kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:2011; ASTM D4833
	Xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:2011; ASTM D3786
	Xác định kích thước lỗ biểu kiến bằng phương pháp sàng khô	TCVN 8871-6:2011; ASTM D4751
	Xác định độ bền chịu kéo và độ giãn dài	ASTM D4595
	Xác định khối lượng đơn vị diện tích	ASTM D5261
22	**THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT XÂY DỰNG**	
	Xác định hình dáng, kích thước, khuyết tật	TCVN 4732:2016
	Xác định độ hút nước	TCVN 4732:2016
	Xác định độ mài mòn	TCVN 4732:2016
	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4732:2016
	Xác định độ bền uốn	TCVN 4732:2016

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	Xác định độ cứng vạch bề mặt	TCVN 4732:2016
	Xác định độ vuông góc	TCVN 4732:2016
	Xác định độ phẳng	TCVN 4732:2016

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.